chế thi hành nếu không tự nguyện thi hành trong thời hạn quy định. Chi phí về việc tổ chức cưỡng chế do cá nhân hoặc tổ chức bị cưỡng chế thi hành các biện pháp hành chính khác chịu trách nhiệm.

Điều 21- Nguyên tắc áp dụng các hình thức xử phạt:

1. Ngoài hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền thì có thể kèm theo các hình thức xử phạt bổ sung và áp dụng những biện pháp hành chính khác.

2. Hình thức xử phạt bổ sung và việc áp dụng các biện pháp hành chính khác không thể áp dụng độc lập mà chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính.

3. Cùng một hành vi vi phạm có thể áp dụng nhiều biện pháp hành chính khác.

Điều 22- Việc khen thưởng đối với người có thành tích trong việc phát hiện các vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế và người thi hành công vụ có thành tích phải theo đúng quy định tại Điều 39 của Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính.

mới được xử phạt các vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

Tổ chức và cá nhân có thẩm quyền xử phạt mà vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 25- Tổ chức và công dân có quyền khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Mọi công dân tố cáo các hành vi lạm quyền hoặc trái luật khác của cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế đến cơ quan cấp trên trực tiếp của tổ chức và người quyết định xử phạt hoặc Viện Kiểm sát nhân dân. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhận được khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm xem xét giải quyết và trả lời trong thời hạn 15 ngày; nếu là trường hợp phức tạp thì việc giải quyết và trả lời trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, tố cáo.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
PHAN VĂN KHẢI

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23- Nghị định này áp dụng cho cả các đối tượng là tổ chức người nước ngoài và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của người nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 24- Chỉ những tổ chức và người có thẩm quyền quy định trong Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính và Nghị định này

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 356-HĐBT ngày 26-9- 1992 về hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên trách quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản ngày 28 tháng 7 năm 1989;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ Chức - cán bộ của Chính Phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

I. HỆ THỐNG TỔ CHỨC CƠ QUAN CHUYÊN TRÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

Điều 1.- Hệ thống tổ chức cơ quan chuyên trách quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản gồm có:

- Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp nặng;

- Các Chi cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước khu vực trực thuộc Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước (dưới đây gọi tắt là Chi cục khu vực);

- Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản thuộc Sở Công Nghiệp tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi chung là tỉnh).

Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước và các Chi Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước có con dấu riêng, hoạt động bằng nguồn kinh phí do Nhà nước cấp.

Điều 2.- Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước do Cục trưởng phụ trách; giúp việc Cục trưởng có từ một đến hai phó Cục trưởng.

Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng về hoạt động của Cục trong lĩnh vực công tác được giao theo Nghị định này.

Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp nặng. Các Phó Cục trưởng do Bộ Trưởng Bộ Công Nghiệp nặng bổ nhiệm theo đề nghị của Cục trưởng.

Điều 3.- Chi Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản khu vực được Bộ Trưởng Bộ Công Nghiệp nặng ra quyết định thành lập sau khi đã thỏa thuận với Bộ Trưởng, Trưởng ban Ban Tổ Chức - Cán bộ của Chính phủ để thực hiện nhiệm vụ do Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước giao.

Chi cục khu vực do Chi cục trưởng phụ trách. Giúp việc Chi cục trưởng có thể có một Phó Chi cục trưởng. Chi cục trưởng và Phó chi cục trưởng khu vực do Bộ Trưởng Bộ Công Nghiệp nặng bổ nhiệm, theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước.

Chi Cục trưởng khu vực chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước về hoạt động của Chi cục trong phạm vi được giao theo Nghị định này và quyết định thành lập Chi cục của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp nặng.

Điều 4.- Biên chế của Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước, các Chi cục khu vực do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng quyết định trong tổng số biên chế của Bộ.

Điều 5.- Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

thành lập Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản trong Sở Công nghiệp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản ở tỉnh theo các điều 25, 32, 33, của Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản. Điều 5 và khoản 3 của điều 14 Nghị định số 95-HĐBT 25-3- 1992 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản.

Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản trong Sở Công nghiệp của tỉnh chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ chuyên môn của Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước.

Điều 6.- Thanh tra viên về tài nguyên khoáng sản thuộc biên chế của Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước và của các chi Cục khu vực do Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp nặng bổ nhiệm và bãi miễn. Thanh tra viên về tài nguyên khoáng sản thuộc biên chế của Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản của tỉnh do Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân tỉnh bổ nhiệm và bãi miễn.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng vận dụng Quy chế thanh tra viên ban hành kèm theo Nghị định số 191-HĐBT 18-6-1991 của Hội Đồng Bộ Trưởng quy định tiêu chuẩn chức danh, thẻ thanh tra viên và chế độ đối với thanh tra viên về tài nguyên khoáng sản sau khi thỏa thuận với thanh tra Nhà nước và Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN TRÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

Điều 7.- Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước có những nhiệm vụ và quyền hạn dưới đây:

1. Xây dựng các dự án pháp luật, các văn bản pháp quy khác về quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản để Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bộ ban hành theo thẩm quyền; hướng dẫn, kiểm tra thực hiện.

2. Quản lý vốn tài nguyên khoáng sản trong phạm vi cả nước bao gồm các khoáng sản rắn, nước dưới đất, dầu mỏ và khí đốt thông qua việc:

a) Tổ chức đăng ký khu vực có tài nguyên khoáng sản phải bảo vệ, khu vực khai thác mỏ hoặc công trình khai thác tài nguyên khoáng sản.

b) Đề xuất các biện pháp, chính sách quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý vốn tài nguyên khoáng sản; tham gia với các Bộ và Ủy Ban Nhân dân các cấp trong việc xét duyệt các quy hoạch, kế hoạch, luận chứng kinh tế - kỹ thuật hoặc đề án khai thác mỏ và đóng cửa mỏ; tham gia nghiệm thu, xét duyệt báo cáo thăm dò tài nguyên khoáng sản.

c) Thẩm tra hồ sơ xin khai thác mỏ của các Bộ, các địa phương, các tổ chức kinh tế để Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng trình Chủ tịch Hội Đồng Bộ trưởng quyết định hoặc Bộ trưởng quyết định theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng.

d) Chuẩn bị hồ sơ để Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng cho ý kiến về việc bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản ở những khu vực dự định cho phép chôn vùi chất thải vào lòng đất hoặc xây dựng các công trình cố định không phải để khai thác khoáng sản để cơ quan có thẩm quyền quyết định.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

3. Thanh tra Nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật và các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước, của thanh tra viên trong việc thanh tra Nhà nước về tài nguyên khoáng sản tuân theo quy định tại các điều 29, 30 và 31 của Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản.

4. Chuẩn bị văn bản để Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giải quyết hoặc để Bộ trưởng giải quyết theo thẩm quyền những tranh chấp về thăm dò và khai thác mỏ; trực tiếp giải quyết những tranh chấp đó theo ủy quyền của Bộ trưởng.

Tham gia ý kiến với Ủy ban Nhân dân địa phương và các Bộ trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền khai thác mỏ thuộc thẩm quyền của địa phương hoặc của Bộ, ngành quản lý.

5. Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản đối với các Chi cục và Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản và các cơ quan có liên quan khác ở địa phương..

6. Quản lý tư liệu về tài nguyên khoáng sản thuộc thẩm quyền của Cục.

Điều 8.- Trong phạm vi khu vực được phân công, Chi cục khu vực có những nhiệm vụ và quyền hạn dưới đây:

1. Lập sổ thống kê danh mục khu vực có tài nguyên khoáng sản phải bảo vệ, khu vực khai thác mỏ, công trình khai thác tài nguyên khoáng sản; tổ chức đăng ký khu vực khai thác mỏ và công trình khai thác nước dưới đất do Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân tỉnh trong khu vực cấp giấy phép.

Hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp thực hiện quy định về nguyên tắc, thủ tục xin khai thác tài nguyên khoáng sản.

Xác minh thực tế tình hình tài nguyên khoáng sản chưa khai thác ở các khu vực dự định xây dựng các công trình cố định không phải để khai thác khoáng sản.

2. Tham gia với Ủy ban Nhân dân các cấp, với Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản tỉnh và các cơ quan có liên quan khác ở địa phương trong việc đề ra và tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản.

Tham gia xét duyệt, đánh giá báo cáo thăm dò, luận chứng kinh tế - kỹ thuật hoặc đề án khai thác mỏ và đóng cửa mỏ.

3. Thanh tra Nhà nước về tài nguyên khoáng sản tuân theo Điều 29 và Điều 31 của Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản.

4. Điều tra, nghiên cứu những tranh chấp về quyền khai thác mỏ và đề xuất ý kiến giải quyết.

Tham gia ý kiến với Ủy ban Nhân dân các tỉnh trong việc giải quyết những tranh chấp về quyền khai thác mỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo ủy quyền của Cục trưởng.

Điều 9.- Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản trong Sở Công nghiệp tỉnh có những nhiệm vụ và quyền hạn dưới đây:

1. Đề xuất với Ủy ban Nhân dân tỉnh, Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước (thông qua Giám đốc Sở Công nghiệp) các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

khai thác; phối hợp với các cơ quan hữu trách ở Trung ương và địa phương (tỉnh, huyện, xã) tổ chức thực hiện các biện pháp đó.

2. Giám sát việc chấp hành Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản, các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản đối với các tổ chức, cá nhân thông qua việc:

- Tổ chức đăng ký các khu vực thăm dò, khai thác mỏ các khoáng sản rắn, công trình khai thác nước dưới đất của tất cả các tổ chức, cá nhân có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

- Kiểm tra giấy phép hành nghề, giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản, việc tuân thủ các quy định trong các giấy phép nói trên của các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên khoáng sản theo phân cấp.

- Kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban Nhân dân địa phương đình chỉ việc điều tra địa chất, khai thác tài nguyên khoáng sản không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

- Yêu cầu các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của địa phương, thực hiện đúng pháp luật, các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và môi trường liên quan.

- Xử phạt theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xử phạt các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

3. Thẩm định và chuẩn bị hồ sơ cho phép khai thác mỏ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định.

4. Chuẩn bị văn bản để Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh giải quyết theo thẩm quyền hoặc để tham gia với Bộ Công nghiệp nặng và các Bộ có liên quan giải quyết những tranh chấp về quyền khai thác mỏ.

5. Tham gia với các cơ quan hữu trách trong việc xây dựng và xét duyệt các quy hoạch, kế hoạch, luận chứng kinh tế - kỹ thuật, hoặc đề án khai thác mỏ ở địa phương thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Điều 10.- Mọi hoạt động của cơ quan quản lý chuyên trách về tài nguyên khoáng sản ở Trung ương, khu vực và địa phương đều phải tuân theo Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản, các quy định và chủ trương chính sách của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Công nghiệp nặng; những quy định cụ thể của Ủy ban Nhân dân tỉnh về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và các luật pháp liên quan.

Phối hợp chặt chẽ mọi hoạt động của các cơ quan chuyên trách quản lý tài nguyên khoáng sản ở Trung ương, khu vực và địa phương dưới sự chỉ đạo thống nhất của Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11.- Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Nhà nước có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. Hội đồng Bộ trưởng
Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 358 - HĐBT ngày 28-9-1992 về tổ chức và hoạt động của Thanh tra giáo dục.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Luật phổ cập giáo dục Tiểu học ngày 12 tháng 8 năm 1991;

Căn cứ theo Pháp lệnh Thanh tra ngày 1 tháng 4 năm 1990;

Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Nhà nước và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào Tạo,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Thanh tra giáo dục thực hiện quyền thanh tra Nhà nước về giáo dục và đào tạo trong phạm vi cả nước nhằm tăng cường hiệu lực quản lý, bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục và Đào tạo.

Điều 2.- Thanh tra giáo dục có nhiệm vụ:

1. Thanh tra việc thực hiên mục tiêu, kế hoạch đào tạo, chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo của Nhà nước và các văn bản pháp quy về giáo dục và đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo đối với chính quyền các cấp, cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo các cấp, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội, tôn giáo và công dân trong cả nước.

2. Thanh tra việc quản lý ở các nhà trường, các cơ sở giáo dục và đào tạo; việc giảng dạy, giáo dục, đào tạo của cán bộ, giảng viên; việc học tập của học sinh trong các loại hình trường quốc lập, dân lập, bán công và các lớp tư nhân.

3. Giải quyết hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khiếu lại, tố cáo theo quy định của Pháp lệnh khiếu lại, tố cáo của công dân.

4. Hướng dẫn nội dung và bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra giáo dục và đào tạo cho các tổ chức thanh tra giáo dục cấp dưới.

5. Kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các quy định phù hợp với yêu cầu quản lý sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Điều 3.- Hệ thống tổ chức thanh tra giáo dục gồm có:

1. Thanh tra giáo dục của Bộ là tổ chức Thanh ra Nhà nước về giáo dục và đào tạo ở Trung ương, thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo và chịu sự chỉ đạo về công tác, nghiệp vụ của Tổng Thanh tra Nhà nước.

Thanh tra Bộ có Chánh thanh tra, Phó Chánh thanh tra và Thanh tra viên.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com